TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ -ST
Ngày 14/6/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Hân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu
Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch hội LHPN xã Cẩm Ninh

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLST - HNGĐ ngày 01/12/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình V, sinh năm 1967 (có mặt)
Trú tại: TT, TTAT, Ân Thi, Hưng Yên
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972 (có mặt)
Người có QLNV liên quan: Cháu Trần C A, sinh năm 2012
Người đại diện hợp pháp của cháu Anh: Bà X – Mẹ đẻ của cháu
Đều trú tại: PT, TP, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022và lời khai của ông V trình bầy: Trước khi ông lấy bà X ông cũng đã từng có gia đình nhưng do không hạnh phúc nên đã ly hôn, ông và bà X quen nhau được hơn hai tháng thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Dân, Kim Động vào tháng 7/2011. Sau khi lấy nhau vợ chồng ra Hải Dương làm ăn, được vài tháng thì bà X có thai nên vợ chồng về bên ngoại của bà X ở. Do kinh tế khó khăn, đến năm 2012 ông đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, dù công việc khó khăn, vất vả nhưng ông vẫn quan tâm đến vợ, con, vẫn gửi tiền về cho bà X để lo liệu cuộc sống, năm 2014, ông hết hạn về nước, đến năm 2016 vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn Trung. Trong cuộc sống vợ chồng đã tồn tại nhiều mâu thuẫn như tính nết không hòa hợp nên thường X va chạm, cãi nhau, có những việc ông hỏi quan điểm của bà X nhưng bà X không đồng ý, ông tự

quyết định thì bà X tỏ thái độ cho rằng ông không tôn trọng, coi thường bà X, năm 2020 bà X về bên ngoại ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Ông đã nhiều lần đến đón bà X về nhưng bà X không về. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà X

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Trần C A, sinh năm 2012

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà X trình bày: Vợ chồng quen nhau được hơn hai tháng thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Dân, Kim Động vào tháng 7/2011. Sau khi lấy nhau vợ chồng ra Hải Dương thuê phòng trọ để làm ăn, khi bà có thai nên vợ chồng về bên ngoại của bà ở PT, TP sinh sống. Do kinh tế khó khăn, đến năm 2012 ông đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, thời gian đầu ông V còn gọi điện về hỏi thăm, gửi tiền về mua sữa cho con nhưng sau đó ông V không gửi nữa, đến năm 2016 ông V về nước hẳn và vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn Trung. Thời gian ở cùng nhau vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mọi việc trong gia đình do ông V tự quyết định, ông V không bao giờ hỏi ý kiến bà, bà đưa ra quan điểm thì ông V không nghe, ngoài ra vấn đề kinh tế của vợ chồng cũng không được tập trung, ông V nhiều lần đề nghị bà ký giấy vay tiền ngân hàng nhưng bà không đồng ý thì ông V tỏ thái độ không hài lòng, tháng 08/2021 vợ chồng không chung sống với nhau, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, thi thoảng ông V có gọi điện hoặc ra chơi với con còn vợ chồng không còn tình cảm, ông V đã nhiều lần nói với bà về ở cùng nhưng bà thấy thái độ của ông V không có thiện chí nên bà không về.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Trần C A, sinh năm 2012

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Ngày 31/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi đã tiến hành hòa giải ông V, bà X. Ông V, bà X đã thống nhất được toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên TAND huyện Ân Thi đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Đến ngày 07/4/2023, bà X thay đổi nội dung tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/3/2023 với lý do trước đó ông V có hứa cho con trai là Trần C A 300.000.000 đồng nhưng ông V không thực hiện. Vì vậy ngày 11/6/2023, bà X có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm 01 ngôi nhà tại TT, TTAT, Ân Thi, Hưng Yên

Tại phiên tòa : Ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX giải quyết cho ông được ly hôn bà X và giải quyết con chung. Bà X xác định không còn tình cảm nhưng không đồng ý ly hôn vì bà đề nghị ông V phải cho con trai Trần C A 300.000.000 đồng, nếu không bà đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Điều 48 BLTTDS như:

- Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

- Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng tại Điều 68 BLTTDS;

- Xác minh, thu nhập chứng cứ và lấy lời khai của đương sự đúng quy định từ các Điều 96 đến 99 BLTTDS.

- Trình tự thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý được gửi cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định Điều 195, 196 BLTTDS.

- Về thực hiện hòa giải và chuẩn bị xét xử: Tòa án đã thực hiện việc thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định theo Điều 203 BLTTDS;

- Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận cầu khởi kiện của ông V: xử cho ông V được ly hôn bà X.

- Về con chung: Giao cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần C A, sinh năm 2012 đến tuổi thành niên. Ông V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà X số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu Anh đến tuổi thành niên. Ông V có quyền đi lại, thăm lom con chung không được ai ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết mà tách ra xem xét thụ lý, giải quyết bằng 01 vụ án khác khi ông V, bà X có yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về án phí: Ông V phải chịu án phí DSST theo quy định và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V, bà X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Dân, Kim Động vào tháng 7/2011. Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông V, bà X là hợp pháp. Nay ông V có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Bà X đang cư trú tại PT, TP, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Ông V, bà X xác định trong cuộc sống vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn nguyên nhân một phần là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, tình trạng kéo dài đến cuối năm 2021 bà X cùng con về bên ngoại ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà X. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng ông V, bà X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông V, bà X thuận tình ly hôn tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/3/2023. Ngày 07/4/2023, bà X thay đổi nội dung biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vì lý do ông V đã hứa cho cháu C A 300.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Tại phiên tòa bà X xác định không còn tình cảm nhưng không đồng ý ly hôn vì yêu cầu ông V thực hiện lời hứa nếu không phải giải quyết tài sản chung là 01 ngôi nhà tại thôn Trung. Xét hôn nhân của ông V, bà X nhận thấy ông V, bà X đã ly thân nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài mà ông V, bà X không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng phù hợp với lời khai của ông V, bà X trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện khi ly hôn ông V đã nhiều lần đến tìm bà X về ở nhưng bà X không về, hơn nữa việc xây dựng hạnh phúc gia đình yếu tố tình cảm phải được đặt lên trên hết nhưng cả hai đều xác định không còn tình cảm, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa ông V, bà X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông V, bà X không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông V, bà X có 01 con chung là Trần C A, sinh năm 2012. Nay ly hôn, bà X có nguyện vọng được nuôi con chung, ông V nhất trí để bà X tiếp tục nuôi con nên ông V, bà X đã thống nhất tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành và tại phiên tòa vẫn giữ quan điểm, xét nguyện vọng của bà X, sự thỏa thuận của ông V, bà X về con chung thì thấy thỏa thuận của ông V, bà X là tự nguyện, cháu C A hiện nay đang ở với bà X và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, đang học tại trường Tân Phúc, để tránh xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của cháu Anh, HĐXX giao cháu Trần C A, sinh năm 2012 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo phát triển mọi mặt cho con chung và phù hợp với thực tế, phù hợp với thỏa

thuận của ông V, bà X. Về cấp dưỡng, ông V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 06/2023 là tự nguyện phù hợp với mức thu nhập của ông V trình bày là lao động tự do thu nhập 5.000.000 đồng/ tháng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận sự tự nguyện của ông V về mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà X.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên tại lời khai ngày 11/6/2023 bà X có đề nghị Tòa giải quyết xem xét tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà tại TT, TTAT, khi Tòa án đã được vụ án ra xét xử, trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ bà X không có yêu cầu chia tài sản chung, vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 200 BLTTDS quy định "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*", trong khi ngày 31/3/2023 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà X không có yêu cầu chia tài sản chung, đến ngày 11/6/2023 bà X mới có yêu cầu, nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết theo yêu cầu của bà X, vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX xét thấy việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng ông V, bà X sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5]Về án phí: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Đình V được ly hôn bà Nguyễn Thị X

2- Về con chung: Giao cháu Trần C A, sinh năm 2012 cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà X là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 06/2023 cho đến khi cháu C A đủ 18 tuổi. Ông V có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 BLDS

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau này đương sự có yêu cầu về tài sản chung; công nợ; công sức có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

4 - Về án phí : Ông V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0003072 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Ngoài ra ông V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Ông V, bà X có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tr□ờng hợp Bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Nghĩa Dân – Kim Động;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Hân